

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-PT

Ngày 17/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Chuyên;

Bà Triệu Thị Luyện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Nhĩ Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLPT- DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM – ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP C (V).

Trụ sở: Số A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến M – Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh tỉnh B (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh T, ông Lưu Tuấn T1: Cán bộ phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh tỉnh B. (Ông T1 có mặt, ông T vắng mặt)

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị T2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 18/10/2021, Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh tỉnh B (Gọi tắt là V) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số TDngày\_ký 273-034/2021 - HĐCVHM/NHCT 280tắt là hợp đồng tín dụng) với bà Nguyễn Thị T2, nội dung: Bà Nguyễn Thị T2 vay Ngân hàng TMCP C số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng); mục đích vay: Hộ gia đình kinh doanh, thời hạn vay từ 18/10/2021 đến 18/10/2022, lãi suất theo hợp đồng hạn mức là 9,5% nhưng có thể điều chỉnh theo từng lần giải ngân cụ thể (lãi suất ưu đãi).

Trước đó, bà Nguyễn Thị T2 và chồng là ông Nguyễn Văn Đ có ký Hợp đồng thế chấp số 0467-068-11/2017/HĐBĐ ngày 05/4/2017 và các văn bản bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/8/2017, ngày 21/3/2019, ngày 27/3/2019, ngày 26/3/2021 và ngày 13/10/2021 với Ngân hàng TMCP C, chi nhánh tỉnh B để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của bà T2, ông Đ tại Ngân hàng V1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L, giá trị thế chấp là 317.000.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Ngân hàng được xử lý tài sản gắn liền thửa đất thế chấp bên vay đầu tư, cải tạo sau khi ký hợp đồng; điều kiện xử lý tài sản thế chấp khi bên vay vi phạm cam kết và nghĩa vụ tại Hợp đồng tín dụng

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T2 với số tiền 1.300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 27/9/2022, thời hạn trả nợ 06 tháng, lãi suất vay vốn 9%/năm, trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, ngày đến hạn trả nợ gốc là 27/3/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị T2 không thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Đến ngày 02/7/2024 bà T2 và ông Đ chưa thanh toán cho V2 tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.671.098 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 1.555.226.115 đồng.

Nay Ngân hàng V2 yêu cầu vợ chồng bà T2 và ông Đ trả nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.671.098 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.555.226.115 đồng tính đến ngày 02/7/2024. Ngoài ra Ngân hàng Vietin B1 yêu cầu bà T2 và ông Đ tiếp tục phải trả lãi chậm trả tính từ ngày 03/7/2024 đến khi trả xong tiền nợ gốc. Trường hợp bà T2 và ông Đ không trả được số nợ trên thì Ngân hàng V yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L và tài sản gắn liền là nhà ở trong diện tích 100m<sup>2</sup> thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ngân hàng V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị T2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ngày 18/10/2021, Ngân hàng TMCP C – Chi

nhánh tỉnh B và bà T2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 273-034/2021 - HĐCVHM/NHC 280 với nội dung: Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh tỉnh B cho bà T2 vay 1.300.000.000 đồng; mục đích vay: vợ chồng bà T2, ông Đ kinh doanh quần áo, hải sản; thời hạn vay từ 18/10/2021 đến 18/10/2022. Về lãi suất và thời hạn trả tiền gốc và lãi đã quy định trong Hợp đồng trên.

Về Hợp đồng thế chấp ngày 05/4/2017 và các văn bản bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/8/2017, ngày 21/3/2019, ngày 27/3/2019, ngày 26/3/2021 và ngày 13/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP C và vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Đ thì ông bà trình bày thống nhất với Ngân hàng V1.

Ông bà xác nhận Ngân hàng V1 đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị T2 số tiền gốc 1.300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 27/9/2022. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị T2 không thanh toán được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Ông bà đồng ý trả Ngân hàng V1 số tiền nợ gốc, nợ lãi như Ngân hàng yêu nhưng chưa trả được ngay. Bà T2, ông Đ xác định số nợ Ngân hàng trên là nợ chung của vợ chồng do tiền vay để dùng vào việc vợ chồng kinh doanh quần áo, hải sản. Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ chồng bà T2, ông Đ là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà T2. Bà T2 chỉ đồng ý Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L đã được cấp Giấy chứng nhận mang tên vợ chồng bà T2, ông Đ.

Ngày 25/12/2023 và ngày 05/4/2024, TAND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang và UBND xã C, huyện L đã thẩm định tại chỗ và định giá quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L và tài sản gắn liền thửa đất gồm nhà 04 tầng xây dựng trên 100m<sup>2</sup> và lô liền kề của ông Đ, bà T2.

***Với nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại số 03/2024/KDTM-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã xử:***

Căn cứ Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự, các điều 26, 35, 147, 227, 228, các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 33 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP C (V2) tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.671.098 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.487.376.824 đồng (Một tỷ bốn trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng) tính đến ngày 02/7/2024.

Trường hợp bà T2 và ông Đ không trả được số nợ trên hoặc chậm trả nợ thì bà T2, ông Đ còn phải liên đới có nghĩa vụ trả lãi suất đối với số tiền gốc chậm trả tính từ ngày 03/7/2024 đến ngày trả hết nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 3273-034/2021.HĐCVHM/NHCT 280VIB ngày 18/10/2021 tương ứng với thời gian chậm trả.

*Về xử lý tài sản thế chấp:* Trường hợp bà T2 và ông Đ vi phạm Điều 5 (Xử lý tài sản thế chấp) quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0467-068-11/2017.HĐBĐ ngày 05/4/2017 thì N H có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 6, tờ 24, diện tích 100m<sup>2</sup> địa chỉ tại thôn M, xã C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 776216 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/8/2015 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T2 và nhà cấp 3 loại 1 gắn liền đất (Gồm 03 tầng 01 tum, diện tích nhà được tính theo chiều phương thẳng đứng tương ứng với các cạnh của diện tích 100m<sup>2</sup> đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 776216 do UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 21/8/2015, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/4/2024 kèm theo bản án) để đảm bảo việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng V2 theo quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0467-068-11/2017.HĐBĐ ngày 05/4/2017 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02-0467-068-11/2019/HĐBĐ/NHCT280 ngày 21/3/2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03-0467-068-11/2019/HĐBĐ/NHCT280 ngày 27/9/2019, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 273-034/2021/VBSĐBSSHĐBĐ/NHCT280 ngày 13/10/2021; Nguyên tắc và phương thức xử lý, sử dụng tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 5 (Xử lý tài sản thế chấp) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0467-068-11/2017.HĐBĐ ngày 05/4/2017

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do Ngân hàng V2 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Đ , bà T2 phải liên đới có nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).Do Ngân hàng V2 đã tạm ứng số tiền trên nên ông Đ, bà T2 phải liên đới có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng V2 4.000.000 đồng chi phí tạm ứng thẩm định, định giá tài sản.

1.2. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 27,33 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới có nghĩa vụ chịu 56.621.305 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi một nghìn ba trăm lẻ năm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP C 26.316.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007910 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm:* Ngày 31/7/2024, bị đơn – bà Nguyễn Thị T2 kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chốt công nợ không phát sinh lãi và miễn toàn bộ lãi phát sinh chưa thanh toán với lý do gia đình bà làm ăn thua lỗ, hiện tại chưa có khả năng thanh toán, tất toán cho Ngân hàng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Đ thống nhất trình bày: Ông bà chấp nhận trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng V1 đồng ý cho đảo hạn nợ gốc và miễn toàn bộ tiền lãi. Gia đình ông bà hiện không đủ khả năng trả đủ gốc và lãi. Gia đình bà đang quản lý, sử dụng hai lô đất, một lô đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn một lô chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngôi nhà 3 tầng và 1 tum xây trên cả hai lô đất trên.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V1 trình bày: Ngân hàng chỉ xem xét cho bà T2 vay tiếp hoặc miễn giảm lãi cho bà T2 khi bà T2 tất toán khoản vay này. Tại thời điểm này, bà T2 chưa trả được tiền gốc, kháng cáo của bà T2 không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp bà T2 không trả được nợ, ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 6, tờ bản đồ số 24, địa chỉ thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và phần tài sản gắn liền với thửa đất. Ngân hàng cam kết chịu rủi ro trong quá trình thi hành án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, sửa bản án sơ thẩm về phần nhận định và phần quyết định của bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đánh chính bản án không đúng quy định của pháp luật. Bà T2 không phải chịu án phí dân sự kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T2 làm và nộp trong thời hạn luật định; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ, cần được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, đề nghị miễn toàn bộ tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn: Ngày 18/10/2021, Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh tỉnh B (Gọi tắt là V) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 273-034/2021 - HĐCVHM/NHCT 280 với bà Nguyễn Thị T2, nội dung đồng ý cho bà Nguyễn Thị T2 vay số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) để kinh doanh hộ gia đình; thời hạn từ 18/10/2021 đến 18/10/2022, lãi suất theo hợp đồng hạn mức là 9,5%, có thể áp dụng lãi suất ưu đãi theo từng lần giải ngân cụ thể. Bà T2 và đại diện Ngân hàng V1 đều xác nhận Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền gốc 1.300.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 27/9/2022, thời hạn trả gốc vào ngày 27/3/2023, lãi suất vay vốn 9%/năm, trả lãi vào ngày 05 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị T2 không thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 02/7/2024, bà T2 chưa thanh toán cho V tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn là 80.671.098 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 1.555.226.115 đồng. Bà T2 và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, bà T2 vay vốn để kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình; các đương sự đều không có ý kiến gì về trình tự thủ tục ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, số nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng đang khởi kiện. Do đó, Ngân hàng V1 yêu cầu bà T2, ông Đ phải trả số nợ gốc 1.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn đến ngày 02/7/2024: 80.671.098 đồng, lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2024 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp số 0467-068-11/2017/HĐBĐ ngày 05/4/2017 và các văn bản bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/8/2017, ngày 21/3/2019, ngày 27/3/2019, ngày 26/3/2021 và ngày 13/10/2021 với Ngân hàng TMCP C, chi nhánh tỉnh Bắc Giang, bà T2, ông Đ đồng ý thế chấp là quyền sử dụng 100m<sup>2</sup> đất ở tại thửa số 06, tờ 24, địa chỉ Thôn M, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho V1 để đảm bảo cho các khoản vay của bà T2, ông Đ tại Ngân

hàng. Hợp đồng thế chấp ký kết tự nguyện, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 319 của Bộ luật Dân sự. Do đó, khi bà T2, ông Đ không trả được nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng V1 yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp đã ký kết và phù hợp quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[5] Bà Nguyễn Thị T2 không đồng ý trả nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi phát sinh theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên miễn toàn bộ tiền lãi với lý do hộ kinh doanh cá thể gia đình bà làm ăn thua lỗ, hiện tại chưa có khả năng thanh toán, tắt toán. Ngoài ra, bà T2 không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác. Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ các bên đều thỏa thuận cụ thể về lãi trong hạn (9%/năm), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó, ngoài số tiền là nợ gốc 1.300.000.000 đồng; nguyên đơn yêu cầu bà T2, ông Đ trả nợ lãi trong hạn 174.555.017 đồng, nợ lãi quá hạn: 80.671.098 đồng (tính đến ngày 02/7/2024) và lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 03/7/2024 là có căn cứ và đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T2 về việc miễn toàn bộ tiền lãi.

[6] Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm có nhiều sai sót và viết không đúng mẫu bản án dân sự sơ thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc đính chính bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam không đảm bảo quy định tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở trên.

[7] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, cần áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[8] Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem, giải quyết các quyết định khác của bản án sơ thẩm mà không có kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 58.656.783 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP C 26.316.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007910 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[10] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà T2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Điều

148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cần hoàn trả bà T2 tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị T2; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 323, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 148; Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 27, Điều 33, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP C (V). Buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả nợ Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền nợ tính đến ngày 02/7/2024 gốc là 1.555.226.115 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn một trăm mười lăm đồng), trong đó gồm 1.300.000.000 đồng nợ gốc, 174.555.017 đồng nợ lãi trong hạn, 80.671.098 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 02/7/2024 theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 273-034/2021 - HĐCVHM/NHCT 280 ngày 18/10/2021 và Giấy nhận nợ ngày 27/9/2022 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh tỉnh B với bà Nguyễn Thị T2.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (02/7/2024), bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của V1 thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục thanh toán cho V1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V1.

Trường hợp bà T2 và ông Đ không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ trên, thì V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 6, tờ 24, địa chỉ tại thôn M, xã C đã được UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 776216 ngày 21/8/2015 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T2 và



toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0467-068-11/2017/HĐBĐ ngày 05/4/2017 giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T2 với Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh tỉnh B- Phòng G.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T2 phải liên đới chịu 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản. Buộc Đ, bà T2 phải có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng V2 số tiền 4.000.000 đồng chi phí tạm ứng thẩm định, định giá tài sản.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới chịu 58.656.783 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP C 26.316.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007910 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị T2 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008351 ngày 31/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

